

S6-GR1P(0.7-3.6)K01-NV-YD

Biến tần kết nối năng lượng mặt trời một pha Solis

Đặc trưng:

- Đầu vào PV 21A cho tấm pin năng lượng mặt trời công suất cao
- Khởi động 50V để tạo ra điện hàng ngày lâu hơn
- Bảo vệ SPD loại II DC & AC tùy chọn
- AFCI 2.0 tùy chọn để tăng cường an toàn
- CT/Meter 2-trong-1 để thiết lập EPM linh hoạt
- Xếp hạng IP66 cho môi trường khắc nghiệt

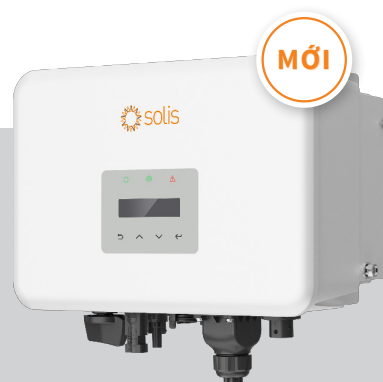
Mô hình:

S6-GR1P0.7K01-NV-YD / S6-GR1P1K01-NV-YD

S6-GR1P1.5K01-NV-YD / S6-GR1P2K01-NV-YD

S6-GR1P2.5K01-NV-YD / S6-GR1P3K01-NV-YD

S6-GR1P3.6K01-NV-YD



Mô hình	0.7K	1K	1.5K	2K	2.5K	3K	3.6K	
Đầu vào DC								
Công suất đầu vào tối đa để xuất	1.1 kW	1.5 kW	2.3 kW	3 kW	3.8 kW	4.5 kW	5.4 kW	
Điện áp đầu vào tối đa				550 V				
Điện áp định mức				360 V				
Điện áp khởi động				50 V				
Dải điện áp MPPT				40-500 V				
Dòng điện đầu vào tối đa				21 A				
Dòng điện ngắn mạch tối đa				30 A				
Số lượng MPPT/số chuỗi đầu vào tối đa				1 / 1				
Đầu ra AC								
Công suất đầu ra định mức	0.7 kW	1 kW	1.5 kW	2 kW	2.5 kW	3 kW	3.6 kW	
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa	0.77 kVA	1.1 kVA	1.65 kVA	2.2 kVA	2.75 kVA	3.3 kVA	3.6 kVA	
Công suất đầu ra tối đa	0.77 kW	1.1 kW	1.65 kW	2.2 kW	2.75 kW	3.3 kW	3.6 kW	
Điện áp lưới định mức	1/N/PE, 220 V, 230 V							
Tần số lưới định mức	50 Hz / 60 Hz							
Dòng điện đầu ra lưới điện định mức	3.2 A / 3.0 A	4.5 A / 4.3 A	6.8 A / 6.5 A	9.1 A / 8.7 A	11.4 A / 10.9 A	13.6 A / 13.0 A	16.0 A	
Dòng điện đầu ra tối đa	3.5 A	5.0 A	7.5 A	10.0 A	12.5 A	15.0 A	16.0 A	
Hệ số công suất	>0.99 (-0.8 -> + 0.8)							
Tổng độ méo sóng hài	< 3%							
Hiệu suất								
Hiệu suất tối đa	96.6%			97.6%				
Hiệu suất Châu Âu	96.0%			97.0%				
Bảo vệ								
Bảo vệ ngược cực DC				Có				
Bảo vệ ngắn mạch				Có				
Bảo vệ quá dòng đầu ra				Có				
Bảo vệ chống sét				Loại II DC/L loại II AC (Tùy chọn)				
Giám sát lưới điện				Có				
Bảo vệ chống đảo				Có				
Bảo vệ nhiệt độ				Có				
Giám sát chuỗi				Có				
Quét đường cong I/V				Có				
Quét đa đỉnh				Có				
Tích hợp AFCI 2.0				Tùy chọn				
Tích hợp công tắc DC				Có				
Thông số chung								
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)				310 × 210 × 139 mm				
Trọng lượng	6.4 kg			6.5 kg			6.6 kg	
Cấu trúc liên kết				Không biến áp				
Công suất tự tiêu thụ (đêm)				< 1 W				
Dải nhiệt độ môi trường vận hành				-25 ~ +60°C				
Độ ẩm tương đối				0 - 100%				
Bảo vệ xâm nhập				IP66				
Phát ra tiếng ồn (điển hình)				< 30 dB(A)				< 40 dB(A)
Cách thức làm mát				0.7-3K: Làm mát tự nhiên; 3.6K: Làm mát tự nhiên với quạt bên trong				
Độ cao so với mực nước biển tối đa để hoạt động				4000 m				
Tiêu chuẩn kết nối lưới điện				G98, EN 50549-1/10, C10-26, VDE 0126/XP C15/VFR 2019, NRS 097-2-1, PHILIPPINE DISTRIBUTION CODE, IEC61727, IEC 62116, IEC 60068, IEC 61683, EN 50530				
Tiêu chuẩn an toàn / EMC				IEC/EN 62109-1/-2, IEC/EN IEC 61000-6-1/-2/-3/-4				
Đặc trưng								
Kết nối DC				Đầu nối MC4				
Kết nối AC				Đầu cắm kết nối nhanh				
Hiển thị				LCD				
Truyền thông				Tiêu chuẩn: RS485, Tùy chọn: Wi-Fi (Loại USB), DRM				